

Số: 239 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ Phần Masan MeatLife

Thực hiện Quyết định số 383/QĐ-TTr ngày 17/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 26/9/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ Phần Masan MeatLife; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/10/2024 và báo cáo giải trình ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ Phần Masan MeatLife (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01/4/2024.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: hoạt động tư vấn, quản lý.

- Điện thoại giao dịch: 0933928 690/02862563862; Fax: 02838274115.

- Số tài khoản 10225142453010, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

- Tổng số đơn vị hạch toán phụ thuộc: 14 chi nhánh, 02 văn phòng đại diện.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 164 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 148 người.

(Chữ ký)

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 164 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 164 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 62 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 102 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (các ông, bà: Nguyễn Vũ Anh Tùng, Nguyễn Thị Viễn, Trần Thúy Mai, Lý Phương Đăng, Nguyễn Bảo Anh Thy): mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể”.

b) Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 91 người, trong đó: 35 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 450.657.750 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định; chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương năm 2023, 2024; trong thời kỳ thanh tra tại doanh nghiệp không phát sinh đối thoại khi có yêu cầu.
- Doanh nghiệp đang thực hiện TULĐTT ký ngày 01/3/2022 (có thời hạn 03 năm) với nhiều nội dung có lợi cho người lao động so với quy định của pháp luật về lao động; đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương, ngày 09/3/2022.

- Doanh nghiệp đã xây dựng, ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại Quyết định số 2604/2023/QĐ-MML ngày 26/4/2023 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 7.500.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 368.000.000 đồng/tháng.

- Áp dụng hình thức trả lương theo thời gian (theo tháng).

- Doanh nghiệp trả qua tài khoản mở tại ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Từ ngày 01/01/2023, doanh nghiệp áp dụng thang lương, bảng lương, định mức lao động năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019) và thang lương, bảng lương, định mức lao động năm 2023 (có hiệu lực từ 01/7/2023); năm 2024, doanh nghiệp đã ban hành thang lương, bảng lương, định mức lao động (hiệu lực từ ngày 01/7/2024).

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ và tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công tháng 9/2023 và bảng lương tháng 4/2024 doanh nghiệp trả tiền lương làm thêm giờ đúng quy định; không phát sinh tiền lương làm việc vào ban đêm.

- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: thực hiện theo quy định (không phát sinh khấu trừ trái luật).

- Tiền ăn ca: 40.000 đồng/người/ngày đối với nhân viên làm việc tại Văn phòng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 25.000 đồng/người/ca đối với nhân viên tại các nhà máy.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc theo tuần, không quá 10 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần (ngày nghỉ hàng tuần là 01 đến 02 ngày vào cuối tuần).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá thời gian làm thêm giờ trong tháng (Kiểm tra bảng chấm công tháng 4/2024, người làm thêm giờ cao nhất là 12 giờ/tháng).

- Thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đang áp dụng nội quy lao động đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương (thông báo việc đăng ký nội quy lao động ngày 20/6/2022).

- Khoản 3 Điều 16 quy định nơi làm việc nêu “nơi làm việc do phân công của người sử dụng lao động”.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 105 người.

- Các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc giúp hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: chưa thực hiện.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi, không thỏa thuận giảm thời gian làm việc.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động không đủ 5 nội dung theo quy định (thiếu nội dung về trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân và biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng chống cháy nổ).

- Đã bố trí ông Lê Minh Trí làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách.

- Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Jio Health để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đang sử dụng: 0 máy, thiết bị.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có chữ ký của người lập sổ.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 163 người.

+ Số người đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 163 người, trong đó 05 lao động mới báo tăng tháng 9/2024.

+ Số người chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 01 người lao động cao tuổi (mức lương chức danh công việc của người lao động đã bao gồm khoản tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động, được ghi trong hợp đồng lao động).

- Số tiền chậm đóng gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN tại thời điểm ngày 30/8/2024: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp thông qua tổ chức dịch vụ việc làm hoặc tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 35 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền 450.657.750 đồng.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.12. Hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động.

1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

1.14. Nội quy lao động đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.15. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.16. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Đã bố trí cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.18. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

1.19. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.20. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và hằng năm đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể” là không đúng quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương là chưa đúng quy định tại Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Khoản 3 Điều 16 nội quy lao động quy định “nơi làm việc do phân công của người sử dụng lao động” là không phù hợp với nội dung hợp đồng lao động quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động và Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có chữ ký của người lập sổ theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẤP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau:
 - Các sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.3 và 2.7 khắc phục khi có phát sinh.
 - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong các sai phạm còn lại.
2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.
3. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục 1 Phần VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn